

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6365/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 6947	ĐẾN
Ngày: 12/12/16	TRƯỞNG
Chuyên: 1034	TP. HỒ CHÍ MINH
Ngày: 16/12/16	ĐẾN
Chuyên: 1034	Chuyên:
Lưu hồ sơ số: 2008	Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9270/STC-CS ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình (theo Phụ lục 1 đính kèm); Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định đặc thù (theo Phụ lục 2 đính kèm) trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, tổ chức) có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính; Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ

quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm căn cứ nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này để thực hiện việc tính hao mòn tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTUB: CT, PCT/KT;
- VPUB: PVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Cg). 125

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyên



PHỤ LỤC 1

QUY ĐỊNH
THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ban hành kèm theo Quyết định số: 6365/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
	- Tác phẩm văn học, nghệ thuật, sách giáo khoa	25	4
	- Tác phẩm âm nhạc	25	4
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
	- Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu Công nghiệp		
	- Bằng phát minh, sáng chế	25	4
	- Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
	- Khác	25	4
Loại 3	Phần mềm tin học:		
	- Phần mềm kế toán	10	10
	- Phần mềm hệ thống	5	20
	- Phần mềm ứng dụng	5	20
	- Phần mềm công cụ	5	20
	- Phần mềm tiện ích	5	20
	- Phần mềm khác	5	20
Loại 4	Tài sản cố định vô hình khác không thuộc loại 1, 2, 3 nêu trên	5	20

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC 2

**QUY ĐỊNH
THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC
THÙ (DỄ HỎNG, DỄ VỠ)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6365/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
Loại 1	Máy móc thiết bị		
	- Máy móc, trang thiết bị trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	8	12,5
	- Máy móc, thiết bị điện, điện tử phục vụ đo lường, thí nghiệm	8	12,5
	- Máy móc, trang thiết bị trong ngành công nghiệp cơ khí	8	12,5
	- Máy móc, trang thiết bị chuyên dùng trong ngành y tế	5	20
Loại 2	Trang thiết bị dễ hỏng, dễ vỡ phục vụ nghiên cứu khoa học, thí nghiệm (thủy tinh, gốm, sành sứ...)	5	20
Loại 3	Công cụ hỗ trợ (súng đạn cao su, súng đạn hơi cay, súng đạn cay nổ,...)	10	10
Loại 4	Tài sản cố định đặc thù khác không thuộc loại 1, 2, 3 nêu trên	8	12,5

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ